

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 4 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Anh

Ông Hồ Thanh Phong

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thanh B, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Ấp Thuận Long, xã Tân Tiến, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Trần Chí M, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp Thuận Long, xã Tân Tiến, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2024 trong quá trình giải nguyên đơn chị Nguyễn Thanh B trình bày:**

Về hôn nhân: Chị B với anh Trần Chí M tự nguyện chung sống năm 2008, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh M không quan tâm, chăm sóc vợ con, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi nhau, sự việc được hai bên thân tộc hòa giải hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng ly thân nhiều năm nay. Nay, chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người có cuộc sống riêng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Chí M.

- Về con chung: Trần Đăng K, sinh năm 2009, Trần Minh K, sinh năm 2011 và Trần Nguyễn K, sinh năm 2013. Khi ly hôn các con có nguyện vọng ở với ai người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Trong quá trình giải quyết theo văn bản ngày 18/3/2024 bị đơn anh Trần Chí M trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn và mâu thuẫn đúng như chị B trình bày. Nay, chị B yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý theo yêu cầu của chị B .

- Về con chung: Đúng như chị B trình bày. Khi ly hôn các con có nguyện vọng ở với ai người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.
- Về tài sản chung: Chị B và anh M không yêu cầu.
- Về nợ chung: Chị B và anh M xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 14/3/2024, ngày 18/3/2024 chị B và anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng tiên hành xét xử vắng mặt chị B , anh M .

[2] Về quan hệ hôn nhân. Chị B với anh M chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và trong quá trình chung sống đến nay anh chị chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị B yêu cầu ly hôn với anh M ; anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B . Tuy nhiên, chị B với anh M chung sống với nhau trong thời gian dài, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị B với anh M là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Khi ly hôn chị B và anh M xác định trẻ Đăng K , trẻ Minh K và trẻ Nguyễn K con có nguyện vọng ở với ai người đó nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”. Viện dẫn theo điều luật trên, tại văn bản ghi nguyện vọng trẻ Minh K ngày 14/3/2024 và văn bản trình bày nguyện vọng trẻ Đăng K và trẻ Nguyễn K thể hiện, trẻ Minh K có nguyện vọng ở với chị B ; trẻ Đăng K và trẻ Nguyễn K có nguyện vọng ở với anh M nên giao trẻ Minh K cho chị B , giao trẻ Đăng K và Nguyễn K cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thanh B và anh Trần Chí M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị B và anh M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ: Chị B và anh M xác định không có.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định: “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Chị Nguyễn Thanh B với anh Trần Chí M là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Trần Minh K chị Nguyễn Thanh B ; giao trẻ Trần Đăng K , sinh năm 2009 và trẻ Trần Nguyễn K , sinh năm 2013 cho anh Trần Chí M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thanh B và anh Trần Chí M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000795 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh B và anh Trần Chí M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam